Phẩm Nhất Nhập Đạo

Kinh Tăng Nhất A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO1 1. KINH NIỆM XỨ2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Có một lối vào đạo3 làm thanh tịnh các hành của chúng sanh, diệt trừ buồn lo, không còn phiền não, được trí tuệ lớn, chứng đắc Niết-bàn. Đó là phải diệt trừ năm sự ngăn che4 và tu tập bốn niệm xứ.5 Một lối vào là gì? Đó là tâm chuyên nhất. Thế nào là đạo? Đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh, gồm chánh kiến, chánh tư duy,67chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn" chánh ngữ, chánh niệm và chánh định. Đó gọi là đạo. Đó gọi là một lối vào đạo. Thê nào là diệt trừ năm sự ngăn che? Nghĩa là phải diệt trừ sự ngăn che của tham dục, sân hận, trạo cử, thụy miên và nghi ngờ. Đó gọi là diệt trừ năm sự ngăn che.

1 Nguyên tác: Nhất nhập đạo phẩm 02. 0125.12. 0567c29. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tăng.,7.02. 0125.12.1. 0568a01. Tham chiếu: Tứ đế kỉnh r ù. 0032.0814bỜ8; Phan biệt Thanh đe kinh T.o 1.0026.31.0467a28; Niệm thân kinh T.Ol. 0026.81. Ò554clO;Mẹw Xỉ? roi. 0026.98.0582b07;D 22, Mahāsatipatthāna Sutta Kinh đại niệm xừ; M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh niệm xứ; M. 119, Kāyagatāsati Sutta Kinh thân hành niệrn. 3 Nguyên tác: Nhất nhập đạo .,Tham chiếu: ẠỈ. 535: Nhất thừa đạo ;MĀ. 98, 189: Nhát đạo A-ty-dat-ma Pháp uẩn túc luận £l§3?.o/. 0463b04 gọi là nhất thú đạo A-tỳ-đạt-mạ Đại Tỳ-bà-sa luận 7L27. 1545.188. 943al9-cl4 giải thích 21 nghĩa của nhất thú đạo. 4 Nguyên tác: Ngũ cái ,peữícci mvarana. Theo DÃ. 9; SĀ. 611, 5 thứ phiền não che lấp tâm tánh, làm cho pháp lành không phát sanh, đó là tham due ,kãmarãgà, sân khuê ,vyắpãdà, hôn trầm thụy miên IR, thinamiddhā, trạo cử ,uddhaccaṃ và nghi ,vicikicchā. 5 Nguyên tác: Tứ ý chỉ ,theo giải thích của bản kinh này ở đoạn sau, chỉ cho bốn niệm xứ. 6 Nguyên tác: Chánh trị c6n gọi là chánh tư duy . 7 Nguyên tác: Chánh phương tiên còn gọi là chánh tinh tấn .

Thế nào là tu tập8 bốn niệm xứ? ở đây, vị Tỳ-kheo quán thân nơi910 nội thân 12 11 diệt trừ niệm ác, không có buồn lo; quán thân nơi ngoại thân, 11 diệt trừ niệm ác, không có buồn lo; quán thân nơi nội, ngoại thân, 12 diệt trừ niệm ác, không có buồn lo. Ke đến, quán thọ nơi nội thọ,13 quán thọ nơi ngoại thọ,14 quán thọ nơi nội, ngoại thọ15*17 để tự an trú. 16 Tiếp đó, quán tâm nơi nội tâm,17 quán tâm nơi ngoại tâm,18 quán tâm nơi nội, ngoại tâm19 đe tự an trú. Cuối cùng quán pháp nơi nội pháp,20 quán pháp nơi ngoại pháp,21 quán pháp nơi nội, ngoại pháp22 để tự an trú. Thế nào là Tỳ-kheo quán thân nơi thân23 để tự an trú? ở đây Ty-kheo quán thân này tùy theo tính chất và sở hành của nó, quán từ trên đầu xuống đến chân, từ dưới chân lên đen đầu; quán bên trong thân này tất cả đều nhơ uế, không có r gì đáng tham đăm. Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao, ruột,

bao tử, tim, gan, tỳ, thận, đêu phải quán biêt rõ ràng; nào là phẩn, tiểu, sanh tạng, thục tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ5 mật, đều

8 Nguyên tác: Tư duy ,dùng trong nghĩa tu tập . 9 Nguyên tác không có giới từ. Tham chiếu chữ "nhu"trong ở MĀ. 98 và tiếp đầu ngữ anu trong M. l o nen bản dịch đã bổ sung. 10 Nguyên tác: Nội tự quán thân .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattam vā kāye kāyānupassī quán thân trèn nội thân. 11 Nguyên tác: Ngoại tự quán thân .Tham chiếu: M. 10: Bahiddhā vã kāye kāyānupassī quan thân trên ngoại thân. 12 Nguyên tác: Nội ngoại quán thân .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī quán thân trên nội, ngoại thân. 13 Nguyên tác: Nội quán thống thống .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattam vā vedanāsu vedanānupassī quán thọ trên các nội thọ. 14 Nguyên tác: Ngoại quán thống thống .Tham chiếu: M. 10: Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī quán thọ trên các ngoại thọ. 15 Nguyên tác: Nội ngoại quán thống thống .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattabahiddhā vã vedanāsu vedanānupassī quán thọ trèn các nội, ngoại thọ. l? Nguyên tác: Nhi tự ngô lạc Tự an trú. Hoặc tùy ngữ cảnh có thể dịch là "chứng đạt rồi an tru.,? Trong Tăng nhất A-ham,cu ngữ này còn được sư dụng với các dạng thức như utự du hy" ,unhi đắc khoái lac59 ,hoặc Udu ÚT :..Cú ngữ ộày ở Trường A-hám gọi la 44nhi tự ngô lac,9 Trung A-ham gọi là t4thành tựu du,9 :Tạp A-hàm gọi là Ếícụ túc trụ,, ,đều xuất phát từ hợp ngữ Pali: Upasampajja viharati chứng đạt và an trú. 17 Nguyên tác: Nội quán tâm .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattam vā citte cittānupassī quán tâm ưên nọi tâm. 18 Nguyên tác: Ngoại quán tâm .Tham chiếu: M. 10: Bahiddhā vā citte cittānupassī quán tâm trên ngoại tâm. 19 Nguyên tác: Nội, ngoại quán tâm .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattabahiddhā vã citte cittānupassī quán tâm trên nọi, ngoại tam. 20 Nguyen tác: Nội quán pháp .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattarn vã dhammesu dhammānupassī quan pháp trên nội pháp. 21 Nguyên tác: Ngoại quán pháp .Tham chiếu: M. 10: Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī quán pháp trên ngoại pháp. 22 Nguyên tác: Nội, ngoại quán pháp .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī quan pháp ưên nọi, ngoại pháp. 23 Nguyên tác: Nội quán thân .Tham chiếu: M. 10: Kāye kāyānupassī quán thân trên thân.

12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO 89

nên quán biêt, không có gì đáng tham đăm. Như vậy, này các Tỳ-kheo9 luôn phải quán thân để tự an tru, diệt trừ niệm ác, không có buồn lo. Lại nữa Tỳ-kheo, hãy tường tận quán sát thân này có yếu tố đất chăng? Có yếu tố nước, lửa, gió chăng? Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này. Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán sát thân này, phân biệt các chủng loại, thân này có bôn yêu tô. Giông như người đô tê khéo giêt mô bò, hoặc học trò của người này mổ xẻ con bò ra từng phần để tự thấy rõ đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy5 Tỳ-kheo kia phân biệt các chủng loại này để tự quán sát thân này có yếu tố đất, nước, lửa, gió. Như vậy, Tỳ-kheo quán thân để tự an trú. [0568b01] Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán thân này có các lỗ thường tiết ra những chát

nhơ bân. Giông như người nọ quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau, cũng vậy, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ thường tiết ra những chất nhơ ban. Lại nữa Tỳ-kheo, hãy quán tử thi chết đã một ngày, hoặc chết đã hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bôn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thê sình trướng, hôi thối dơ bẩn. Tỳ-kheo lại quán thân mình và tử thi kia không khác nhau, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này. Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi đã bị loài quạ, chim thước, diều hâu đến ăn thịt; hoặc bị cọp, sói, chó hoang, các loài trùng thú đến ăn thịt. Tỳ-kheo lại tư quán thân mình và tử thi kia không khác, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này. Đó gọi là Tỳ-kheo quán thân để tự an trú. Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi đã bi ăn thịt hết phân nửa, rơi vãi trên đất, hoi thoi dơ bẩn. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình và tử thi kia không khác, thân ta rồi cũng không tránh khỏi nạn này. Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi đã bị ăn hết thịt, chỉ còn bộ xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại quán thân này của ta với thân tử thi kia cũng không khác biệt. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi có những sợi gân ràng rịt như buộc củi. Tỳ- kheo lại quán tự thân và tử thi kia không khác. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi từng đốt xương rời rạc vương vãi khắp nơi; nào là xương tay, xương chân, mỗi thứ rơi một nơi; nào là xương đùi, xương hông, xương cùng, xương cánh tay; nào là xương vai, xương sườn, xương sống, xương cổ? xương sọ. Lại quán thân này của ta cũng như thế kia, sẽ không tránh khỏi quy luật này, thân ta rồi cũng sẽ hư hoại. Như vậy, Tỳ-kheo quán thân để tự an tru. Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi còn xương màu trăng, như màu ngọc trăng. Tỳ-kheo lại tư quán thân mình và tử thi kia không khác, ta rồi cũng không tránh khỏi lẽ thật này. Đó gọi là Tỳ-kheo tự quán thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo hoặc quán tưởng tử thi còn bộ xương màu xanh bầm, không có gì đáng tham đắm; hoặc xương đồng màu với tro đất, không thể phân biệt. Như vậy, Tỳ-kheo tự quán thân để trừ niệm ác? không có buồn lo, thân này vô thường, sẽ bị phân tán. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân; quán thân nơi ngoại thân; quán thân nơi nội? ngoại thân, thấy rõ thân này không gì thật có. Thế nào là Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ? Nghĩa là Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, liền tự nhận biết rõ ta đang cảm thọ lạc; khi có cảm thọ kho, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khô; khi có cảm thọ không khô không lạc, tự biêt rõ răng ta đang cảm thọ không khổ không lạc. Hoặc khi có cảm thọ lạc bởi vật dục, liên tự biêt rõ ta đang cảm thọ lạc bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ khổ bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ khổ bởi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc bởi vật dục. Hoặc khi có cảm thọ lạc phi vật dục, liền tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc phi

* 9 9 A 9 r 7

vật dục; hoặc có cảm thọ khô phi vật dục, liên tự biêt rõ ta đang cảm thọ khô phi vật dục; hoặc khi có cảm thọ không khô không lạc phi vật dục, liên tự biêt rõ ta đang cảm thọ không kho không lạc phi vật dục. Như vậy, Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ. [0568c09] Lại nữa, hoặc lúc Tỳ-kheo có cảm thọ lạc, bấy giờ không có cảm thọ khổ, lúc đó tự biết rõ ta đang cảm thọ lạc. Hoặc lúc có cảm thọ khổ, bấy giờ không có cảm thọ lạc, liền tự

biết rõ ta đang cảm thọ khổ. Hoặc lúc có cảm thọ không khổ không lạc, bấy giờ không khổ không lạc, lúc đó tự biết rõ ta đang cảm thọ không khổ không lạc. Vị đó quán pháp tập khởi nơi các thọ để tự an trú, cũng quán pháp diệt tận5 lại quán pháp tập khởi và diệt tận nơi các thọ đe tự an trú. Hoặc lại có cảm thọ xuất hiện ở trước, có thể biết rõ5 có thể nhận thấy; vị ây tư duy nguôn góc của nó, không nương tựa vào gì cả mà tự an trú, không khởi niệm tưởng về thế gian, cũng không kinh sợ đối diện với những cảm thọ ấy. Nhờ không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy5 Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ, trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo; quán thọ nơi ngoại thọ; quán thọ nơi nội, ngoại thọ5 trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo. Như thế, Tỳ-kheo quán thọ nơi nội? ngoại thọ. Thế nào là quán tâm nơi tâm24 để tự an trú? Nghĩa là Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự nhận biết có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng tự nhận biết không có tâm ái dục. Có tâm san hận, liền tự nhận biết có tâm sân hận; không có tâm sân hận, cũng tự nhận biết không có tâm sân hận. Hoặc có tâm ngu si, liền tự nhận biết có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự nhận biết không có tâm ngu si. Nếu có tâm thương nhớ, liền tự nhận biết có tâm thương nhớ; không có tâm

24 Nguyên tác: Quán tâm tâm pháp .

thương nhớ, cũng tự nhận biết không có tâm thương nhớ. Có tâm thọ nhập,25 liền tự nhận biết có tâm thọ nhập; không có tâm thọ nhập, cũng tự nhận biết không có tâm thọ nhập. Nêu có tâm loạn niệm, liên tự nhận biêt có tâm loạn niệm; không có tâm loạn niệm, cũng tự nhận biết không có tâm loạn niệm. Có tâm phóng dật,2627 liền tự nhận biết có tâm phóng dật; không có tâm phóng dật, liền tự nhận biết không có tâm phóng dật. Có tâm rộng khắp,27 liền tự nhận biết r r

CÓ tâm rộng kháp; không có tâm rộng kháp, cũng tự nhận biêt không có tâm rộng khắp. Có tâm vô thượng,28 liền tự nhận biết có tâm vô thượng; không có tâm vô thượng, cũng tự nhận biết không có tâm vô thượng. Có tâm vô lượng, liền tự nhận biết có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng, cũng tự nhận biết không có tâm vô lượng. Có tâm định tĩnh,29 liền tự nhận biết có tâm đinh tĩnh; không có tâm định tĩnh, cũng tự nhận biết không có tâm định tĩnh. Tâm chưa giải thoát, liền tự nhận biết tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự nhận biết tâm đã giải thoát. Như vậy, Tỳ-kheo quán sát tâm nơi tâm niệm xứ.3031 Vị đó quán pháp tập khởi, quán pháp diệt tận, đồng thời quán pháp tập khởi và diệt tận; tu tập quán pháp để tự an trú, có thể biết rõ9 có thể nhận thấy, có thể tư duy, không thể tư duy; vị ấy không nương tựa vào gì cả mà tự mình an trú, không khởi niệm tưởng the gian. Đã không khởi tưởng thì không sợ hãi, đã không sợ hãi liền được vô du, đã được vô dư liền đạt Niết-bàn. Vị ấy như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy, Tỳ-kheo tu tập quán tâm nơi nội tâm niệm xứ,31 diệt trừ loạn tưởng, không có buồn lo; quán tâm nơi ngoại tâm;3233 quán tâm nơi nội, ngoại tâm niệm xứ,33 trừ bỏ loạn niệm, không có buồn lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập quán tâm nơi tâm niệm xứ. Thế nào là Tỳ-kheo quán niệm xứ3435 pháp nơi pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo

tu 36 niệm giác chi,35 nương vào quán tưởng, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, trừ bỏ các pháp xấu ác; tu trạch pháp giác chi,36 tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác

25 Nguyên tác: Thọ nhập tâm .A-tỳ-đàm Bật-kiền-độ luận r.26. 1543.6. 0796a28-b0l giải thích là tâm dung nạp, tâm thâu nhiếp; M. l o gọi là sañkhittarn citta tâm thâu nhiếp. 26 Nguyên tác: Tán lạc tâm vikkhittam citta'. Tâm lan man, thiếu tập trung, cũng gọi là tâm phóng dật. 27 Nguyên tác: Phổ biến tâm mahāggatam citta: Tâm rộng khắp. 28 Nguyên tác: Đại tâm anuttaram citta'. Tâm nguyện rộng lớn, cầu đại Bồ-đề. 29 Nguyên tác: Tam-muội tâm ,samāhitam citta: Tâm định tĩnh, tập trung. 30 Bản Tống, Nguyen, Minh: Tâm tâm tương quán ý chỉ .Tương quándting như "quán saf5 MS. 31 Nguyen tác: Nội tự quán tâm tâm ý chỉ .Tham chiếu: M. 10: Ajjhattam vā citte cittānupassī. 32 Nguyên tác: Ngoại quán tâm .Xem chú thích 18, phẩm 12, tr. 88. 33 Nguyên tác: Nội, ngoại quán tâm tâm ý chỉ . 34 Nguyên tác: Pháp pháp tương quán ý chỉ . 35 Nguyên tác: Niệm giác y ,satisambojjhañga : Niệm giác chi. 36 Nguyên tác: Pháp giác ý dhammavicayasambojjhañgā : Trạch pháp giác chi.

chi,37 tu khinh an giác chi,38 tu định giác chi* tu xả giác chi,37 40 nương vào quán 39 38 tưởng, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, trừ bỏ các pháp xấu ác.41 Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp. Lại nữa, Tỳ-kheo đã thoát khỏi ái dục, trừ bỏ các pháp xấu, bất thiện, có giác có quán,42 có hỷ và lạc do viễn ly sanh,43 chứng nhập và an trú Thiền thứ nhất. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp. Lại nữa, Tỳ-kheo xả giác, xả quán, tâm sanh hoan hỷ, ý niệm chuyên nhát, không còn giác và quán, có hỷ có lạc do đinh sanh,44 chứng nhập và an trú Thiền thứ hai. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp. Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ? tru xả, luôn tự biết rõ thân trụ tịch tĩnh, điều mà các bậc Hiên thánh mong câu, xả niệm thanh tịnh, chứng nhập và an tru Thiên thứ ba. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp. Lại nữa, Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, không còn buồn vui, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, an tru Thiền thứ tư. Như vậy, Tỳ-kheo quán niệm xứ pháp nơi pháp. Vị đó quán45 pháp tập khởi, quán pháp diệt tận, đồng thời quán pháp tập khởi và diệt tận để tự an trú, liền được pháp niệm xứ ở ngay hiện tiền, có thể nhận biết, có thể thấy rõ; vị ấy diệt trừ loạn tưởng, không nương tựa gì cả, không khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi, đã không sợ hãi liền như thật biết rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Này các Tỳ-kheo, nương theo một lối vào đạo, giúp chúng sanh được thanh tịnh, xa lìa sầu lo, không còn niệm tưởng buồn vui, đạt được trí tuệ, chứng ngộ • ĩ

Niêt-bàn. Đó chính là diệt trừ năm sự ngăn che và tu tập bôn niệm xứ vậy. r \

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

37 Bản chữ Hán ghi là "tu niệm giác y” ,hẳn là có nhầm lẫn, vì niệm giác ý đã trình bày ở trên. 38 Nguyên tác: Ỷ giác ý ,passaddhisambojjhañga: Khinh an giác

chi. 39 Nguyên tác: Tam-muội giác ý ,samddhiscunbojjhahga: Định giác chi. 40 Nguyên tác: Hộ giác ý upekkhāsambojjhañga: Xả giác chi. 41 Tham chiếu: MA. 10: Này Tỳ-kheo, hãy tư duy niệm giác chi, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đên xả ly; tư duy trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, định và giác chi thứ bảy là xả giác chi, y viễn ly, y lỵ dục, y diệt tận, hướngđện xả lỵELj, :i: 42 Nguyên tác: Hữu giác hữu quán savitakkarn savicārarn: Có tầm có tứ. 43 Tham chiếu: DÃ. 2:,Tu duy xa lìa tham dục và các pháp xấu bất thiện, có tầm có tứ, có hỷ có lạc do viễn ly sanh, chứng đắc Sơ thiền , ,,,,T 44 Tham chiếu: DÃ. 2: Xả tầm, xả tứ, tâm sanh hoan hỷ, tinh chuyên nhất ý, dẫn đến không tầm không tó, ró hj có he ỎD sanh, chứng nhập và an trú Nhị thiền ,,,, ,—. 45 Nguyên tác: Hành chỉ cho hành động, tạo tác, từ dùng thay thế từ "tương quán”ở trên.

12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO 93

2. GANH GHÉT VÀ Đố KỴ46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Trong đời này, Như Lai không thấy một pháp nào nhanh chóng đưa đến hoại diệt như là việc ganh ghét, đố kỵ người đồng Phạm hạnh.47 Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải tu tập từ bi và nhẫn nhục, thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. Bay giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

3. TÔN KÍNH, THỪA sự NHƯ LAI48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. J Ấ__ ___ • rinl- Ấ rrn l 2 - _ / _ rr\ y 1 _ Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu có một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì tôn quý bậc nhất, cao cả bậc nhát, vượt trên chư thiên, loài người, chúng ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la- môn, không ai sánh bằng, đó là bậc phước điền đứng đầu, đáng thừa sự, đáng tôn kính. Người ấy là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì tôn quý bậc nhất, cao cả bậc nhất, không ai sánh bằng, vượt hơn chư thiên, loài người, a-tu-la, chúng ma, Thiên ma, Sa-môn? Bà-la-môn? đó là bậc phước điền đứng dầu, đáng cúng dường, đáng tôn kính. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải nên tôn kính thừa sự Như Lai. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

4. CHĂM SÓC BỆNH49 A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. . • .

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tàng.(7.02. 0125.Í2.2. 0569b13). 47 Phạm hạnh (,Brahmacariyaṃ: Hạnh thanh tịnh. Tham khảo: Kinh Phạm chí Sanh Lậu (2), số 9, phẩm 37, tr. 604 trong tập này; Tăng.(T.02. 0125.37.9. 07l4cl5-07l5al4). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tang.(T.02. 0125.12.3. 0569b19). Tham chiếu: A. 1.Í3 - L 22. 49 Tựa

đề đặt theo nội dung kinh. Tăng.(7.02. 0125.12.4. 0569Ồ29). Tham chiếu: Tăng.(r02. o 125.44.7. Ỏ766b22j; s. 35.74 - IV. 46.

94 KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

• r Ạ _ FT*-l r Ạ FT! A 9 _ _ / _ rr^ \ 1 _ Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Người nào chăm sóc người bệnh, tức là đã chăm sóc Như Lai. Người nào thăm hỏi người bệnh, tức là đã thăm hỏi Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Như Lai luôn muốn đích thân chăm sóc người bệnh tật. Này các Ty-kheo, Như Lai không thấy một người nào mà khi bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này tối thượng, vượt hơn cả bố thí cho chư thiên, thế gian, Samôn? Bà-la-môn. Hành thí như đây mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng tốt vang khắp, được pháp vị giải thoát. Đó chính là bố thí cúng dường đến Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Nên biết, trong các bố thí, đây là bố thí tối thượng hơn cả. Hành thí như đây mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Như Lai vì nhân duyên này mà nói rằng: "Chăm sóc người bệnh thì không khác gì như được chăm sóc Như Lai. Việc đó sẽ đem lại phước lợi lâu dài và to lớn cho các thầy.” Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

5. KHEN NGỢI VÀ CHÊ BAI50 __ \

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ* J À • y_ FTīl Ạ rrn A _ 12 FT^ \ 1 1_ _ Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu người nào khen ngợi vị tu hạnh A-lan-nha51 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai nay thường tự khen ngợi hạnh A-lan-nhã. Người nào chê bai hạnh A-lan-nhã tức là đã chê bai Như Lai. Người nào khen ngợi vị tu hạnh khất thực52 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai luôn khen ngợi người hành hạnh khất thực. Người nào chê bai hạnh khất thực nghĩa là đã chê bai Như Lai. Người nào khen ngợi vị tu hạnh độc cư thiền đinh53 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người hành độc cư thiền đinh. Ai chê bai người tu hạnh độc cư thiền định nghĩa là đã chê bai Như Lai.

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tăng.02. 0125.12.5. 0569cl3. 51 A-lan-nhã ,āraññci còn gọi là "A-luyen-rjha", là chốn núi rừng nhàn tĩnh. Đây chỉ cho Tỳ-kheo A-lan-nhã {āraññaka, một trong 13 hạnh Đầu-đà, thường sống ở trong rừng. 52 Vị tu hạnh khất thực ,pindapātikd ở đây chỉ cho Tỳ-kheo tu hạnh Đầu-đà, thường hành khất thực, không ăn tại nhà tín thí mời. J 53 Nguyên tác: Độc tọa .Tham chiếu: s. 22.6 - III. 15: Patisallīna tĩnh mặc. Trang Xuân Giang dịch sang Hán ngữ là "tinh tọa thiền tu". J J

12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO 95

Người nào khen ngợi vị tu hạnh ngồi một lần ăn một bữa54 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ngồi một lần ăn một bữa. Ai chê bai người này tức là đã chê bai Như Lai. Người nào khen ngợi người tu hạnh ngồi bên gốc cây55 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu hạnh ngồi bên gốc cây. Nêu ai chê bai người ngôi bên góc cây nghĩa là đã chê bai

Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh ngồi nơi đất trống56 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu hạnh ngồi nơi đất trống. Ai chê bai người ngồi nơi đất trống nghĩa là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh ở chốn núi rừng yên tĩnh là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ở chốn núi rừng yên tĩnh. Ai chê bai người ở chốn núi rừng yên tĩnh nghĩa là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh khoác y năm mảnh57 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người khoác y năm mảnh. Ai chê bai người khoác y năm mảnh tức là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh trì ba y58 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người trì ba y. Ai chê bai người trì ba y tức là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh sống nơi bãi tha ma59 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai luôn khen ngợi người song nơi bãi tha ma. Ai chê bai người sống nơi bãi tha ma tức là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh ăn đúng lượng một bát60 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ăn đúng lượng một bát. Ai chê bai người ăn đúng lượng một bát tức là đã chê bai Như Lai. Ai khen ngợi người tu hạnh ăn một bữa ngọ tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người ăn một bữa ngọ. Ai chê bai người ăn một bữa ngọ tức là chê bai Như Lai.

54 Nguyên tác: Nhất tọa nhất thực ,ekãsanỉkà, còn gọi t4nhất tọa thực" utác nhất thực pháp^ ekāsanikci, là một trong 13 hạnh Đầu-đà. Một ngay chỉ ăn một bữa và chỉ ngồi xuống ăn một lan, nếu đã đứng lên thì không ngồi xuống ăn trở lại. 55 Nguyên tác: Tọa thọ hạ rukkhamũlikà'. Thường ngồi bên gốc cây. 56 Nguyên tác: Lộ tọa ,abbhokâsỉkà'. Thường ngồi ngoài trời, giữa nơi đất trống. 57 Nguyên tác: Ngũ nạp y E, parnsukũlỉkà ở đây chỉ cho Tỳ-kheo trì y phấn tảo, lượm vải từ đống rác làm y. 58 Nguyên tác: Trì ba y tecĩvarikà tức luôn mang theo 3 y bên mình, ngay cả khi ăn và lúc ngủ nghỉ. Ba y gồm có: Y Tăng-già-lê ,Sañghāti; uất-đa-la-tăng Uttarāsañga; An-da-h0i ,Antaravāsaka.
59 Nguyên tác: Trủng gian tọa sosānika'. Thường ngồi tại các bãi tha ma. 60 Nguyên tác: Nhất thực tức chỉ cho ăn lượng vừa phải, tức l±oang một bát, nghĩa là biết tiết chế việc ăn uống. Phậtthuyết thập nhỉ hạnh Đầu-đà kỉnh T. 17. 0783. 0721al4-25 ghi: Tiết lượng thực .

Ai khen ngợi người tu các hạnh Đầu-đà61 tức là đã khen ngợi Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường khen ngợi người tu các hạnh Đâu-đà. Ai chê bai người tu các hạnh Đầu-đà tức là đã chê bai Như Lai. Nay Như Lai dạy các Tỳ-kheo hãy học theo hạnh tu của Đại Ca-diếp, không để sót mất. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp có đầy đủ các hạnh này. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Việc tu học của các thầy phải giống như Đại Ca-diếp. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điêu này. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

6. TÔN GIẢ ĐẠI CA-DIẾP62 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vi Tỳ-kheo ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành La-duyệt. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sống ở a-lan-nhã9 đến giờ thì đi khất thực, không phân biệt giàu

nghèo, chỉ ngồi một chỗ trong khi ăn, không thích dời đổi. Tôn giả thường ngồi bên gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc nơi yên vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc ở bãi tha ma; hoặc ăn đúng lượng một bát, hoặc ăn đúng ngọ. Ngài ấy tu hạnh Đầu-đà dù tuổi cao già cả. Bây giờ, sau khi thọ thực xong, Tôn giả Đại Ca-diệp liên đên bên góc cây thiền đinh. Thiền định xong, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, đen cho The Ton. Lúc ay, The Ton tư xa nhìn thay Ton gia Đại Ca-diep đen, liền nói: - Lành thay, Đại Ca-diếp! . -_ ~ _ _ A \ Ton gia Đại Ca-diep đen cho The Ton đanh le
sát chan roi ngoi qua mọt ben. rTTil Á rr\ A 12 The Ton bảo: -Này Đại Ca-diếp! Nay thày cũng đã già rồi, thân sức yếu, hãy thôi hành pháp khất thực và các hạnh Đầu-đà. Thầy cũng nên nhận lời mời thỉnh từ các gia chủ và nhận cũng dường y mới. Tôn giả Đại Ca-diếp thưa: -Nay con không dám thuận theo lời dạy của Như Lai. Vì sao vậy? Vì nếu Như Lai không thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân thì con sẽ thành bậc Độc giác. Nhưng bậc Độc giác ấy dốc lòng hành hạnh A-lan-nhã9 đến giờ đi khất thực, không phân biệt giàu nghèo; ngồi một chỗ ăn một bữa, không thích dời

61 Hạnh Đầu-đà (Dhutañga). Xem chú thích 18, phẩm 4, tr. 34; Tăng.(T.02. 0125.4.2. 0557b04). J w Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tăng.(r.02. 0125.12.6. 0570a23). Tham chiếu: Kinh phó chúc Pháp bảo, số 5, phẩm 41, ìk 715 trong tập này; Tăng.(7.02. 0125.41.5. 0746a21); Tạp.(T.02. 0099.1141. 0301C07); Biệt Tạp.(T.02. 0100.114. 0416b08); s. 16.5 - II. 202.

đổi; thường ngồi bên gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc nơi yên vắng; luôn khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y; hoặc ở bãi tha ma; hoặc ăn đúng lượng một bát, hoặc ăn đúng ngọ, hành hạnh Đầu-đà. Thật sự con nay không dám từ bỏ nếp sống cũ để tu học những hạnh khác. Thế Tôn liền khen: -Lành thay, lành thay, Đại Ca-diếp! Thầy đã tạo nhiều điều lợi ích, độ người vô lượng, tất cả trời, người đều được độ thoát. Vì sao như vậy? Này Đại Ca-diếp, hạnh Đầu-đà còn ở thế gian thì giáo pháp của Như Lai cũng tồn tại lâu dài ở đó. Nếu giáo pháp tồn tại ở đời thì chúng sanh cõi trời sẽ tăng, chúng sanh nơi ba đường dữ liền giảm. Đồng thời, người thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, Tu-dà-hàm, A-na-hàm và Tam thừa63 đều còn nơi thế gian. Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên tu tập giống như Đại Ca-diếp tu tập. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. r y

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

7. ĐÈ-BÀ-ĐẠT-ĐA THAM LỢI DƯỠNG64 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tâm tham lợi dưỡng quá năng sẽ khiến con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo? Đà-bà-đạt-đa65 mê muội kia thọ nhận năm trăm mâm thức ăn của Vương tử A-xà-thế66 cúng dường. Nếu Vương tử kia không dâng cúng thì kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa sẽ không bao giờ tạo việc ác này. Vì Vương tử A-xà-thế ngày nào cũng đem năm trăm mâm thức ăn đến cúng dường nên Đề-bà-đạt-đa mới sanh khởi ác ngũ nghịch, khiến

63 Tam thừa .Bất thối chuyển pháp luân kinh T.09. 0267. 0226c25-26 định nghĩa: Thế nào gọi là Tam thừa? Phật dạy: Đó là Thanh vãnthừa, Độc giác thừa và Phật thừa. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thường dạy như thế ve pháp Tam thừa , 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tdng.7.02. 0Í25.12.7. 0570ỒỒ20. Tham chiếu: Kỉnh lợi dưỡng, số 7, phẩm 23, tr. 263 trong tập này; Tăng.T.02. 0125.23.7. 06l4al8; Tạp.T.02. 0099.1064. 0276020;Biệt Tạp.r02.0100.003.0374ỒỒ09; s. 17.35 -II. 241; s. 17.36 - IL 242; A. 4.68 - II. 73. 65 Nguyen tác: Đề-bà-đạt-đâu . 66 Nguyên tác: Bà-la-lưu-chi s. Balaruci. P.JKunika, Ajātasattu. Nghĩa của tên này là gãy một ngón tay .Đại Bắt-nỉêt-bàn kinh r 12. 0374.034. 0565c09-14, thuật lại lời của Đe-bà-đạt-đạ, ông ta cho rằng, trước khi được sanh ra, các thầy tướng đoán tướn^ A-xà-thê sau khi sanh ra sẽ giết phụ vương, thê nên mọi người gọi thái tử là :Sanh Ọán,9 .Hoàng hậu Vi-đề-hy biết được điều đó nen vừa sanh thái tử ở trên lầu cao liền ném xuống đất, làm bị thương một ngón tay của thái tử. Vì nhân duyên đó nên mọi người gọi thái tử là Bà-la-lim-chi .

sau khi qua đời đọa vào đại địa ngục A-tỳ.67 Vì nguyên do này nên biêt, tâm tham lợi dưỡng quá nặng, sẽ khiến con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu tâm tham đắm lợi dưỡng chưa sanh thì chớ để sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì hãy trừ diệt. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

8. ĐÈ-BÀ-ĐẠT-ĐA TẠO NGŨ NGHỊCH68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành La-duyệt. Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa loạn phá chúng Tăng, đả thương chân Như Lai, xúi giục Thái tử A-xà-thế sát hại vua cha, lại còn giết vi Tỳ-kheo-ni đã chứng đác A-la-hán. Hơn nữa, ở giữa đại chúng, ông ta còn tuyên bô: "Noi nào có điêu ác? Cái ác từ đâu sanh ra? Ai làm điều ác này để rồi phải chịu quả báo đó?69 Ta đâu có làm điều ác này mà phải chiu quả báo đó?" Bay giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, nghe nói kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa ở giữa đại chúng đã tuyên bố: “Noi nào có điều ác? Cái ác từ đâu sanh ra? Ai làm điều ác này để rồi phải chịu quả báo d6?” Nên sau khi ăn xong, các Tỳ-kheo liền thu xếp y bát, vắt tọa cụ70 lên vai phải, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch vơi The Tôn: -Đê-bà-đạt-đa u mê đã tuyên bô giữa đại chúng răng: “Vi sao làm ác không bị tai ương, làm lành không được phước báu? Đó là vì không có quả báo thiện ác để lãnh chju." Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có làm việc ác ắt phải lãnh tội. Nghiệp thiện, nghiệp ác đều có báo ứng cả. Nếu kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa kia biết có quả báo thiện ác thì sẽ hao gầy, buồn rầu, không vui, máu trào ra đầy mặt. Do kẻ mê muội Đề-bà-đạt-đa kia không

67 A-tỳ địa ngục (,Avīci): Địa ngục Vô Gián, một trong 8 địa ngục cực nóng. “A” là lửa lớn, "tỳ" la nọnglịức. Lửa mạnh đốt tam nên gọi là địa ngục À-tỳ. Theo Phạt thuyết quan Phật tam-muọi hai kinh (r.15. 0643.5?0668028). * ” 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tăng. 0.02. 0125.12.8. 0570c02). 69 Nguyên tác: Thùy tác thử ác nhi thọ

?)• Tham chiếu: DÃ. 21: Việc thiện ác có quả báo hay không có quả báo?().Xem thêm A. l: Atthi sukatadukkatānam kammānam phalam vipāko? (Có quả dị thục của nghiệp thiện và bất thiện chăng?) Đây cũng là quan điểm của ngoại đạo Purana Kassapa được ghi nhận ở D. 2. - D 70 NỊ-sư-đàn ():Tấm tọa cụ, tấm vải hình vuông dùng để trải trên mặt đất, hoặc trên ngọa cụ khi ngôi hoặc nằm. Múc đích của tọa cụ là để bảo hộ thân thể trước cỏ cây và côn trùng trên mặt đất. Theo Tư phần luật (7.22. 1428.19. 0694a25).

biêt có quả báo thiện ác, cho nên mới tuyên bô giữa đại chúng: "Không có quả báo thiện ác, làm ác không bị tai ương, làm lành không được phước bau?9 Bấy giờ? Thế Tôn liền nói kệ: Kẻ ngu mới tự cho Làm ác không báo ứng, Như Lai vốn biết rõ Thiện ác đều báo ứng. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy xa lìa việc ác, tạo phước không mệt mỏi. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. Bay giờ5 các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

9. LỢI DƯỠNG HỦY HOẠI sự NGHIỆP71 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Thọ nhận lợi dưỡng của thí chủ cúng dường thật sự rất nặng, không dễ chút nào, khiên con người không đên được cảnh giới vô vi. Vì sao như vậy? Vì quả báo của việc tham đắm lợi dưỡng sẽ cắt vào da người, cắt hết lớp da rồi qua lớp thịt, cắt hết lớp thịt rồi đến lớp xương, cắt hết lớp xương liền thấu đến tủy. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát việc này để biết rõ thọ nhận lợi dưỡng vôn dĩ rát nặng. Nêu tâm tham đăm lợi dưỡng chưa sanh thì chớ đê sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì tìm cách trừ diệt. Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập điều này. r y Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

10. TỲ-KHEO SƯ-LỢI-LA72 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Thọ nhận lợi dưỡng của thí chủ cúng dường quả thật không dễ, khiến cho con người không đến được cảnh giới vô vi. Vì sao như vậy? Vì nếu không tham lợi dưỡng thì Tỳ-kheo Sư-lợi-la kia không giết hại vô lượng chúng sanh như thế, khiến sau khi qua đời phải rơi vào địa ngục.

71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. T&ỉg.(T.02. 0125.12.9. 0570c06). Tham chiếu: s. 17.28 - II. 237. 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tăng.(02. 0125.12.10. 0571a05).

_ r Ạ .*! /\ __ _____ r _____ _ • y _ rr^l Ạ rr\ A 1 • Ạ _

Bay giơ, Thê Ton liên noi kệ: Nhận quá nhiều lợi dưỡng, Sẽ phá hạnh thanh cao, Tâm mình, luôn gắng giữ, Lợi dưỡng, chớ đắm vào. Lợi-sư nhờ đắc đinh, Lên đến Đế-thích cung, Rồi mất dần thần thông, Đọa vào nơi chém giết. Này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát điều này, ắt sẽ biết rõ thọ nhận lợi dưỡng của tín thí quả thật không dê. Nêu tâm tham lợi dưỡng chưa sanh thì phải điêu phục không để sanh khởi, nếu đã sanh khởi tâm này

thì phải tìm cách trừ diệt. Thật vậy, này các Ty-kheo! Hãy học tập điều này. Bấy giờ, các Ty-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.73

73 Bản Hán, hết quyển 5.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.